

KẾ HOẠCH

Thực hiện chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 296/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện gồm các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực quan trọng nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu giao tại Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn về phát triển nông lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 và Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Sự đóng góp của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào tăng trưởng kinh tế nông nghiệp thông qua các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học và công nghệ của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập và khu vực tư nhân thấp nhất bằng mức tăng trưởng chung của cả nước và đảm bảo yêu cầu phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm ô nhiễm môi trường nông thôn.

- 40% các sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực của tỉnh (gỗ, dược liệu, rau, củ, quả đặc sản, gạo chất lượng, chè, thịt trâu, bò, lợn....) có truy suất nguồn gốc, đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm hoặc theo các quy trình sản xuất tốt (VietGAP) hoặc tương đương trở lên.

- Tỷ lệ kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sản phẩm là giống, vật tư đầu vào, quy trình công nghệ, thiết bị, tiến bộ kỹ thuật..., được ứng dụng vào thực tiễn đạt trên 90% vào năm 2025 và đạt trên 95% năm 2030; có ít nhất 60% kết quả nghiên cứu được công nhận tiến bộ kỹ thuật và áp dụng vào sản xuất; trong đó khoảng 10% kết quả nghiên cứu được đăng ký bản quyền sáng tạo, sở hữu trí tuệ.

- Hỗ trợ xây dựng và phát triển thêm 01 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có sự hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn; xây dựng và phát triển ít nhất 01 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại vùng sinh thái nông nghiệp.

- Hỗ trợ xây dựng ít nhất 01 nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ từ phụ phẩm nông nghiệp (bã thải dong riềng...).

II. NỘI DUNG

1. Đổi mới cơ chế, thể chế thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện:

- Nghiên cứu, từng bước hoàn thành việc chuyển đổi các tổ chức khoa học và công nghệ công lập sang cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Nâng cao hiệu quả đầu tư công cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Đầu tư từ ngân sách tập trung cho các nghiên cứu cơ bản, chiến lược, trọng điểm. Thúc đẩy xã hội hóa đầu tư cho các nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo môi trường pháp lý minh bạch, hiệu quả, thúc đẩy đổi mới sáng tạo để sản phẩm khoa học và công nghệ được tạo ra và ứng dụng nhanh vào thực tiễn sản xuất nông nghiệp.

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế tự chủ về tổ chức, nhiệm vụ và tài chính, tự chịu trách nhiệm. Đề xuất cơ chế, chính sách giao quyền tự chủ đảm bảo tính khả thi để các tổ chức khoa học và công nghệ thực sự chủ động, được quyền khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn lực có sẵn để nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng cơ chế liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ công lập với doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ, đặc biệt là các công nghệ tiên tiến trên thế giới. Thu hút doanh nghiệp đầu tư, hợp tác công tư trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, ứng dụng các thành tựu công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng cơ chế minh bạch tạo điều kiện thuận lợi thu hút các Viện, Trường, doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao trên địa bàn; hoàn thiện cơ chế chuyển giao quyền khai thác, chuyển nhượng quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tạo ra bằng ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp để ứng dụng nhanh vào sản xuất.

- Hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp ngành nông nghiệp để phát triển cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ nông nghiệp;

thu hút, trọng dụng cán bộ nghiên cứu trẻ có trình độ, tiềm năng để hình thành, phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp nông nghiệp. Phát triển các doanh nghiệp nông nghiệp, ưu tiên doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp số.

- Xây dựng thí điểm sàn giao dịch công nghệ trong nông nghiệp thông qua các dịch vụ khoa học và công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nông nghiệp, tạo điều kiện để thu hút các doanh nghiệp có tiềm năng đầu tư và tư vấn về công nghệ trong nông nghiệp.

2. Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, thực hiện:

- Triển khai các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các tổ chức khoa học và công nghệ có nguồn thu hợp pháp, chủ động đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu và đào tạo nhân lực.

- Tham mưu tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp. Huy động tối đa các nguồn vốn xã hội hóa cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hiện đại, đồng bộ, đủ điều kiện triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, tiếp nhận, trình diễn và chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới vào thực tiễn sản xuất.

- Quan tâm thực hiện công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có tâm huyết, chuyên môn hóa cao trên các lĩnh vực trọng tâm.

- Tăng cường liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ.

- Phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo - nghiên cứu - chuyển giao. Gắn kết viện - trường trong công tác nghiên cứu và đào tạo.

3. Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo lĩnh vực

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ giao, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố triển khai, thực hiện các nội dung, như sau:

3.1. Lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật

- Nghiên cứu, bảo tồn, phục tráng, khai thác và phát triển các giống cây trồng (*cây nông nghiệp, cây công nghiệp, cây ăn quả, rau,...*) bản địa, đặc hữu của địa phương và dược liệu chủ lực có năng suất, chất lượng, có khả năng chống chịu sâu bệnh và điều kiện bất thuận, sử dụng tiết kiệm nước và phân bón, đáp ứng các yêu cầu canh tác giảm phát thải khí nhà kính.

- Xây dựng và hoàn thiện công nghệ, quy trình kỹ thuật sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, sản xuất hữu cơ, tuần hoàn gắn với chuỗi giá trị cho các đối tượng cây trồng chủ lực nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật hóa học, giảm chi phí đầu vào, nâng cao năng suất, chất lượng, đảm bảo an toàn thực phẩm, thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các loại phân bón công nghệ cao, chế phẩm sinh học vào sản xuất, tác nhân phòng trừ sinh học, phát hiện dư lượng chất cấm, thuốc bảo vệ thực vật để sử dụng trong trồng trọt, bảo vệ thực vật, an toàn thực phẩm và môi trường nông nghiệp; nghiên cứu, đánh giá độ phì của đất canh tác và giải pháp quản lý, sử dụng, bổ sung dinh dưỡng, phục hồi đất phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững.

3.2. Lĩnh vực chăn nuôi, thú y

- Nghiên cứu, phục tráng và phát triển một số giống vật nuôi bản địa chủ lực có năng suất, chất lượng, thích ứng với điều kiện chăn nuôi theo từng vùng, địa phương có giá trị kinh tế và lợi thế cạnh tranh cao gắn với vùng sinh thái và chỉ dẫn địa lý.

- Nghiên cứu, sử dụng các loại thuốc thú y từ dược liệu, các loại thức ăn chăn nuôi, thức ăn bổ sung công nghệ cao, chế phẩm sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm phát thải khí nhà kính. Nghiên cứu phát triển công nghệ tạo nguồn đạm thay thế dùng cho sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Nghiên cứu, ứng dụng các quy trình công nghệ mới, tiên tiến, ứng dụng công nghệ số nhằm đảm bảo an toàn dịch bệnh, nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, giảm sử dụng kháng sinh, nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.

- Ứng dụng công nghệ mới trong chế biến các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật trên cạn nhằm đa dạng hóa sản phẩm phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

- Tăng cường dự báo dịch bệnh, dịch tễ học đối với các bệnh nguy hiểm, các bệnh truyền lây từ động vật sang người để làm cơ sở đề xuất giải pháp kỹ thuật phù hợp nhằm kiểm soát và phòng trừ dịch bệnh.

- Nghiên cứu, ứng dụng, sử dụng các loại vắc xin thế hệ mới để tăng hiệu quả phòng bệnh trên đàn vật nuôi, các KIT phát hiện nhanh chất cấm, tồn dư hóa chất, kháng sinh, vi sinh vật ô nhiễm thực phẩm phục vụ giám sát an toàn thực phẩm.

3.3. Lĩnh vực thủy sản

- Lựa chọn các loại giống thủy sản có khả năng sinh trưởng nhanh, kháng bệnh và chống chịu tốt với điều kiện môi trường bất lợi, đáp ứng điều kiện nuôi của từng vùng, địa phương; nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, giảm thiểu việc sử dụng kháng sinh trong nuôi thủy sản, đảm bảo sản phẩm an toàn thực phẩm, giảm

phát thải khí nhà kính.

- Nghiên cứu dịch tễ học bệnh thủy sản; xây dựng quy trình giám sát chủ động, hướng dẫn phòng trị bệnh hiệu quả và đảm bảo an toàn thực phẩm; ứng dụng công nghệ mới trong chế biến các sản phẩm có nguồn gốc từ thủy sản nhằm đa dạng hóa sản phẩm phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

3.4. Lĩnh vực lâm nghiệp

- Phối hợp với các trường, viện nghiên cứu hoặc xây dựng các đề tài, dự án nghiên cứu chọn, tạo và chuyển giao các giống cây trồng lâm nghiệp chủ lực, thích nghi với điều kiện tự nhiên tại địa phương để trồng rừng gỗ lớn; cây lâm sản ngoài gỗ có năng suất, chất lượng và lợi thế cạnh tranh cao ở một số vùng kinh tế lâm nghiệp trọng điểm.

- Nghiên cứu phát triển hệ thống nông lâm kết hợp, trồng cây dược liệu dưới tán rừng để cung cấp nông, lâm sản theo chuỗi giá trị phù hợp với từng vùng sinh thái kết hợp tạo cảnh quan và thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình; chuyển giao kỹ thuật trồng rừng thâm canh cung cấp gỗ lớn bằng các loài cây chủ lực, cây lâm sản ngoài gỗ đạt chất lượng cao, phù hợp các tiêu chuẩn về quản lý rừng bền vững của quốc gia và quốc tế.

- Xây dựng các biện pháp lâm sinh phục hồi rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng để nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn để cải thiện khả năng phòng hộ kết hợp du lịch sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, tăng trữ lượng các bon rừng, bảo vệ cảnh quan và cung cấp lâm sản; giải pháp kỹ thuật bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen động vật và thực vật rừng, đặc biệt các loài quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng và các loài có giá trị kinh tế.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ số, công nghệ viễn thám trong điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; dự báo và cảnh báo sinh vật gây hại rừng, cháy rừng; quản lý sử dụng đất lâm nghiệp và rừng, quản lý kinh doanh lâm sản.

- Nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và quản lý nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính trong lâm nghiệp; tiếp cận và hình thành thị trường các bon rừng, thúc đẩy phát triển thị trường các bon rừng thông qua các chương trình, dự án tham gia cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon thu được từ hoạt động tăng cường hấp thụ khí nhà kính trong lâm nghiệp.

3.5. Lĩnh vực thủy lợi và phòng chống thiên tai

- Nghiên cứu, ứng dụng, làm chủ công nghệ tiên tiến, công nghệ số trong đánh giá, nhận dạng, dự báo, cảnh báo diễn biến nguồn nước, chất lượng nước, hạn hán, thiếu nước, lũ, ngập lụt, úng, bồi lắng, xói lở bờ sông, suối và đề xuất các giải pháp khoa học và công nghệ phù hợp.

- Ứng dụng, phát triển các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ số trong điều tiết nguồn nước, giám sát đảm bảo an toàn hồ đập, tăng tuổi thọ công trình, nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý vận hành công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai; phục vụ cây trồng chủ lực, nuôi trồng thủy sản, chuyển đổi đất sản xuất, ứng phó biến đổi khí hậu, cơ sở hạ tầng nông thôn.

- Ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến trong khảo sát, thiết kế, vật liệu mới, thiết bị, xây dựng và quản lý an toàn hồ chứa, đập, đê sông, kè sông suối và công trình phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai, phát triển nông thôn.

3.6. Lĩnh vực cơ giới hóa và công nghệ sau thu hoạch

- Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, thiết bị phục vụ cơ giới hóa, tự động hóa trong sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản và chế biến sâu một số sản phẩm nông, lâm, thủy sản chủ lực giúp nâng cao năng suất lao động và nâng tỷ lệ ứng dụng máy động lực vào sản xuất nông nghiệp.

- Nghiên cứu công nghệ, thiết bị cơ giới hóa trong nuôi - trồng, khai thác, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển và chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm, giảm tổn thất sau thu hoạch; xử lý phụ phẩm nông nghiệp, xử lý nước thải trong sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn.

- Nghiên cứu công nghệ cơ giới hóa, tự động hóa một số khâu trồng, chăm sóc, khai thác rừng và chế biến lâm sản; xây dựng quy trình công nghệ, thiết kế chế tạo thiết bị phụ trợ tiên tiến trong khai thác, bảo quản, chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ đáp ứng yêu cầu trong nước và xuất khẩu.

3.7. Lĩnh vực kinh tế, chính sách

- Trên cơ sở chính sách về phát triển nông lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới của Trung ương, của tỉnh đã ban hành các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường công tác tuyên truyền, khuyến khích các đối tượng được hưởng lợi từ chính sách tham gia hoạt sản xuất hàng hoá quy mô lớn, hình thành vùng chuyên canh cơ giới hóa đồng bộ đối với nhóm sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh, địa phương; hình thành hệ sinh thái sản xuất nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ.

- Nghiên cứu hoàn thiện mô hình, cơ chế, chính sách trong đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình thủy lợi, đê điều, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, nước sạch nông thôn, phát triển thủy lợi nội đồng, xây dựng nông thôn mới.

- Nghiên cứu hoàn thiện chính sách phát triển trang trại, kinh tế hộ, kinh tế tập thể trong liên kết, sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.

4. Triển khai một số Chương trình trọng điểm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp

4.1. Phát triển sản phẩm quốc gia

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành

liên quan và UBND các huyện, thành phố thực hiện các nội dung sau:

Xây dựng chương trình khung về lâm nghiệp, hỗ trợ sản phẩm chế biến gỗ và dược liệu tham gia phát triển thành sản phẩm quốc gia, khuyến khích doanh nghiệp đi tiên phong, xác định doanh nghiệp đủ tiềm lực đầu tư để tạo ra sản phẩm, công nghệ mang tính tạo đột phá, đạt tiêu chí quốc gia ở quy mô lớn hoặc vừa; làm chủ một số công nghệ mới, công nghệ tiên tiến để ứng dụng, chuyển giao vào sản xuất quy mô hàng hoá. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường đối với một số sản phẩm nông nghiệp quốc gia ở quy mô lớn hoặc vừa, xây dựng hệ thống quản trị chuỗi giá trị.

4.2. Phát triển công nghiệp sinh học

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, các Sở ngành, địa phương phối hợp thực hiện nội dung giao Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Đề án phát triển công nghiệp sinh học ngành nông nghiệp đến năm 2030” với các nhiệm vụ chính sau:

- Triển khai nghiên cứu, phát triển các công nghệ sinh học thế hệ mới, tiếp cận với công nghệ tạo các chế phẩm sinh học (sản phẩm phân bón sinh học, thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc sinh học, chế phẩm bảo quản, xử lý môi trường, vắc-xin thế hệ mới, KIT thử...) trong trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tiến tới thay thế một phần các sản phẩm nguồn gốc hóa học.

- Tiếp nhận các đề tài, dự án chuyển giao công nghệ mới được nghiệm thu, bàn giao để ứng dụng, nhân rộng trong sản xuất, phát triển giống cây trồng, vật nuôi mang tính trạng cải tiến như: chống chịu các sâu bệnh hại chính, các điều kiện bất thuận, sinh trưởng nhanh,...

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ ngành Nông nghiệp và PTNT; tư vấn, hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị để tiếp nhận, ứng dụng chuyển giao công nghệ sinh học trong nông nghiệp.

4.3. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, các sở ngành, địa phương phối hợp thực hiện Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gồm:

- Xây dựng và triển khai các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục các sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt vào lĩnh vực nông nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp và các tổ chức khoa học công nghệ triển khai dự án

nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp đã được nghiệm thu, các hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc các thỏa thuận hợp tác về khoa học công nghệ.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng mô hình trình diễn về cơ giới hoá đồng bộ sản xuất nông nghiệp, bảo quản, chế biến nông sản với công nghệ và thiết bị tiên tiến, hiện đại, có mức độ cơ giới hóa và tự động hóa cao áp dụng vào sản xuất.

4.4. Nghiên cứu phát triển và áp dụng công nghệ số trong nông nghiệp

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, thực hiện:

- Nghiên cứu ứng dụng các công cụ phục vụ chuyển đổi số, số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa tạo lập cơ sở dữ liệu lớn của ngành nông nghiệp, tập trung vào đất nông nghiệp, cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của ngành nông nghiệp Phát triển nông thôn cấp tỉnh và các đơn vị, sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Nghiên cứu ứng dụng, phát triển ứng dụng công nghệ số để tối ưu hóa quá trình sản xuất nông nghiệp, hướng đến các mô hình nông nghiệp chính xác, nông nghiệp thông minh.

- Nghiên cứu áp dụng số hóa mạnh mẽ trong hệ thống quản lý nhà nước và dịch vụ công trong ngành nông nghiệp (thủy lợi, khuyến nông, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm, hỗ trợ tiếp cận thị trường và tài chính...).

4.5. Nghiên cứu phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, thực hiện:

- Nghiên cứu, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp xanh, giảm phát thải và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông nghiệp nông thôn, bảo tồn đa dạng sinh học.

- Nghiên cứu, phát triển nông nghiệp xanh trên cơ sở ứng dụng đồng bộ các quy trình, công nghệ sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư đầu vào, giảm phát thải cho sản xuất nông nghiệp, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao tính cạnh tranh của nông sản.

- Nghiên cứu, phát triển công nghệ xử lý và tái sử dụng các phế thải, phụ phẩm, mang lại giá trị gia tăng trong chuỗi sản xuất nông nghiệp, ổn định kinh tế, bảo vệ tài nguyên và hệ sinh thái nông nghiệp.

- Quản lý và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng mới rừng gỗ lớn và tái sinh tự nhiên để tăng độ che phủ và khả năng hấp thụ, lưu giữ

các bon của rừng; phát triển nông nghiệp sinh thái, đa dạng thích ứng với biến đổi khí hậu; khuyến khích áp dụng các công nghệ hiện đại, các giống cây trồng, vật nuôi có tính chống chịu cao, xác lập cơ chế giám sát chặt chẽ để thúc đẩy phát triển nông nghiệp xanh, phát thải các-bon thấp.

- Tập trung nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới công nghệ và áp dụng tiến bộ khoa học vào quá trình phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn nông nghiệp phù hợp với điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán từng vùng, địa phương.

- Nghiên cứu, tham mưu ban hành chính sách khuyến khích nông dân, doanh nghiệp, người tiêu dùng tham gia thực hiện các giải pháp phát triển xanh, nông nghiệp tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính.

- Đẩy mạnh việc nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp mới làm hình mẫu cho các địa phương liền kề, đáp ứng các yêu cầu thị trường như: nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp xanh, tiết kiệm tài nguyên và giảm thải; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp (chế biến nông sản, tái chế phế, phụ phẩm, sản xuất năng lượng tái tạo,...), nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường, dịch vụ đào tạo và cung cấp chuyển giao công nghệ, dịch vụ kinh doanh nông sản...).

4.6. Nghiên cứu các giải pháp khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới

Văn phòng Điều phối nông thôn mới chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành, địa phương có liên quan rà soát, lồng ghép thực hiện các chương trình khoa học công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh đề nâng cao chất lượng hiệu quả trong việc thực hiện nội dung tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo hướng phát triển toàn diện, bền vững; góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn; nâng cao chất lượng đời sống của người dân; thúc đẩy liên kết và thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, địa phương, trong đó tập trung vào một số nội dung sau:

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trong tình hình mới, nhất là các chính sách phát triển nông thôn gắn với quá trình công nghiệp hóa, kinh tế xanh, nông thôn thông minh.

- Nghiên cứu, đề xuất giải pháp khoa học và công nghệ thực hiện các nội dung: Phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế tuần hoàn, công nghệ thực phẩm nông nghiệp, phát triển ngành nghề thủ công mỹ nghệ, nhất là ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thúc đẩy chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; phát

triển du lịch nông thôn; giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn; nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công, hoạt động của chính quyền cơ sở, giải pháp quản trị và kết nối các cộng đồng dân cư nông thôn.

- Nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh tế nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù, phát huy được thế mạnh của từng vùng, địa phương trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ; các dự án kinh tế xanh, tuần hoàn, sử dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp...; khuyến khích các đề tài, dự án, mô hình nhằm thúc đẩy liên kết sản xuất và phát triển thị trường theo chuỗi giá trị sản phẩm.

- Nghiên cứu các mô hình xây dựng nông thôn mới gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường và cảnh quan nông thôn. Áp dụng số hóa trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh.

- Nghiên cứu, xây dựng các mô hình phát triển cộng đồng dựa vào nội lực.

5. Hoạt động đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nông nghiệp

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện:

- Thúc đẩy các doanh nghiệp lớn đầu tư vào công nghệ chọn tạo giống, công nghệ chăm sóc, theo dõi theo các tiêu chuẩn an toàn, truy xuất nguồn gốc, công nghệ bảo quản, công nghệ chế biến; tập trung đầu tư vào những khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, những dự án quy mô lớn, triển khai các mô hình canh tác tiên tiến hiệu quả theo tiêu chuẩn, quy chuẩn; phát triển những kỹ thuật kinh doanh mới vào các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nông, lâm nghiệp.

- Tập trung ứng dụng các công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ số để xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, hiệu quả và bền vững, phát huy lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới.

- Hình thành các hệ thống đổi mới sáng tạo ngành nông nghiệp gắn với các mô hình kinh tế nông nghiệp, các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị ngành hàng, sản phẩm có giá trị kinh tế cao,... góp phần tích cực vào gắn kết giữa phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân.

- Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại các vùng trọng điểm gắn với lợi thế của từng khu vực, gắn với các sản phẩm nông nghiệp sạch kết hợp với du lịch.

- Hình thành hệ thống mạng lưới dịch vụ thông tin khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp từ trung ương đến địa phương để cập nhật, tổng hợp, phân tích, hình thành cơ sở dữ liệu lớn và cung cấp thông tin về thành tựu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo như: các giống cây trồng vật nuôi mới, quy trình công nghệ mới; tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; các mô hình áp

dụng tiến bộ kỹ thuật mới, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh, yêu cầu chỉ đạo và quản lý.

- Hàng năm xây dựng các mô hình ứng dụng thành công các tiến bộ kỹ thuật, quy trình công nghệ mới, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao cho doanh nghiệp, trang trại và nông dân để áp dụng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện truyền thông đại chúng để phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ, hỗ trợ phát triển các dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để phục vụ nhu cầu của người sản xuất, kinh doanh.

- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ nhằm thương mại hóa sản phẩm hình thành từ các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp.

III. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Truyền thông, đổi mới tư duy trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp lãnh đạo, doanh nghiệp và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đổi mới tư duy để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành khâu đột phá đưa kinh tế nông nghiệp của tỉnh phát triển mạnh mẽ; chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng xanh, bền vững với môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành.

- Nâng cao tính tự chủ, vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ trong việc hoạch định chiến lược, định hướng nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo; quản trị tổ chức, nhân sự để sử dụng hiệu quả nguồn lực được đầu tư, tạo ra các sản phẩm khoa học, công nghệ được đưa vào sản xuất.

2. Đổi mới thể chế và chính sách, cải cách hành chính tạo động lực cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Tiếp tục quan tâm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Tăng cường thiết chế hợp tác công - tư, đồng tài trợ giữa Nhà nước và doanh nghiệp cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển đồng bộ, gắn kết chặt chẽ các ngành khoa học với doanh nghiệp, ưu tiên nâng cao năng lực đón đầu các ứng dụng khoa học và công nghệ tiên phong ở trình độ cao.

- Xác định đúng tầm nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tập trung đầu tư thích đáng để giải quyết các yêu cầu bức thiết trong các lĩnh vực sản xuất trọng tâm của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Rà soát hiện trạng để đầu tư có chọn lọc đối với một số tổ chức khoa học

và công nghệ trọng điểm, hiệu quả; bảo đảm các nguyên tắc công khai, minh bạch, độc lập phản biện trong tuyển chọn và xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ; trao quyền tự chủ cho tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đi đôi với cơ chế đánh giá độc lập và giám sát xã hội, công khai kết quả hoạt động khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế đầu tư và tài chính cho khoa học và công nghệ trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh, có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên hiệu quả đầu ra. Đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, quản lý tài chính theo thông lệ quốc tế, giảm tối đa thủ tục hành chính cho các nhà khoa học; giao quyền sở hữu kết quả khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan chủ trì để thúc đẩy ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

3. Đổi mới hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Kiện toàn hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp tỉnh. Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và chuyển giao công nghệ công lập, kết hợp đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ thống, trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, viện nghiên cứu và trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh, các cơ quan quản lý nhà nước có vai trò kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi, thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức hỗ trợ trong hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo.

4. Huy động nguồn lực cho phát triển khoa học và công nghệ

- Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, có cơ chế kinh tế, tài chính khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, tham gia mạnh hơn vào hoạt động nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ.

- Kết hợp đồng bộ giữa hạ tầng nghiên cứu, môi trường học thuật tiên tiến và tự chủ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng và các cơ hội phát triển nghề nghiệp thuận lợi cho nhà khoa học. Ưu tiên nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước cho nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thông qua các chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp Bộ.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ và chuyển giao công nghệ mới, mua công nghệ trong nước hoặc nước ngoài để phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn.

5. Tăng cường đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

- Xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ có tâm huyết, chuyên

môn hóa cao, có kinh nghiệm, có khả năng nghiên cứu kết hợp tư vấn, chuyển giao sản phẩm khoa học và công nghệ trong sản xuất, kinh doanh nông nghiệp góp phần đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả sử dụng các sản phẩm của nghiên cứu, chuyển giao.

- Đổi mới, xã hội hóa mạnh mẽ công tác khuyến nông, phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức của nông dân và doanh nghiệp.

- Chú trọng nâng cao trình độ cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông đáp ứng nhu cầu công nghệ mới, đặc biệt là kỹ năng về công nghệ số và các công nghệ thế hệ mới. Đào tạo, tập huấn về tiếp thị, thương mại, vận hành thị trường khoa học và công nghệ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, địa phương liên quan xây dựng phương án, cụ thể hóa lộ trình thực hiện các nội dung của kế hoạch.

- Tổ chức, triển khai các nội dung được giao trong kế hoạch.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc triển khai, thực hiện các nội dung tại kế hoạch; hàng năm tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện về UBND tỉnh và đề xuất các giải pháp cần thiết để tập trung chỉ đạo, đảm bảo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng phương án, cụ thể hóa lộ trình thực hiện và tổ chức, triển khai các nội dung được giao trong kế hoạch.

- Rà soát, lựa chọn, tìm kiếm các nhà khoa học, trường, viện hoặc doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đủ điều kiện thực hiện các nội dung giao đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh Bắc Kạn.

- Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ theo quy định.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về đất đai, giải quyết các vấn đề vướng mức có liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành để thực hiện các đề án, dự án về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Tham mưu cho UBND tỉnh về thủ tục đất đai, môi trường để thực hiện các

đề tài, dự án phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn đảm bảo nhanh chóng, đúng quy định.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ các nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định, trong đó ưu tiên bố trí, lồng ghép các nguồn vốn cho thực hiện nội dung giao tại kế hoạch này.

- Cân đối, bố trí kinh phí đầu tư phát triển thực hiện các dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các quy định liên quan pháp luật về đầu tư công.

5. Sở Tài chính

Trên cơ sở nội dung kế hoạch được phê duyệt, hàng năm rà soát các nguồn kinh phí hỗ trợ từ Trung ương, khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ các nguồn kinh phí để triển khai, thực hiện Kế hoạch.

6. Văn phòng Điều phối nông thôn mới

Chủ trì, phối hợp với các sở ngành, địa phương liên quan, nghiên cứu, tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các giải pháp khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới đạt hiệu quả; hỗ trợ địa phương hoàn thành các tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới.

7. UBND các huyện, thành phố

- Phối hợp với các sở ngành liên quan lựa chọn, phối hợp, triển khai thực hiện các đề án, dự án về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa bàn đảm bảo hiệu quả.

- Vận dụng linh hoạt cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh, địa phương để điều phối, bố trí nguồn vốn khuyến khích đầu tư, ứng dụng các kết quả, tiến bộ khoa học mới vào phát triển nông lâm nghiệp phù hợp với tiềm năng lợi thế và nhu cầu của địa phương; tăng cường thu hút vốn đầu tư xã hội cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn.

8. Chế độ báo cáo

Định kỳ các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ giao tại kế hoạch này về UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) chậm nhất vào ngày 20/11 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chậm nhất vào ngày 15/12 hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến

năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị, địa phương báo cáo kịp thời về UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và PTNT) để xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- TT.TU, HĐND tỉnh ;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&CN, Tài chính, KH&ĐT, TN&MT;
- VP Điều phối NTM ;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng NNTNMT;
- Lưu: VT, Cúc.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Thị Minh Hoa